

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Văn Quân	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Dũng	Thành viên
Ông Ngô Văn Hoàn	Thành viên
Ông Trương Xuân Thành	Thành viên
Ông Bùi Xuân Chiến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Đức Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đức Dũng	Giám đốc
Ông Trương Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Hoàn	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Vũ Đức Dũng

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA AFA AUDIT AND APPRAISAL COMPANY LIMITED

142 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@afac.com.vn | Web: www.afac.com.vn

Số: 84/2020/BCKT-AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/03/2020 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1334-2018-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Phan Thị Lan Trang
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1936-2018-240-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		180.993.362.103	180.181.654.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.285.062.656	30.059.238.378
1. Tiền	111		5.285.062.656	27.323.356.428
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.735.881.950
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.743.640.037	80.847.262.142
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	64.368.143.125	68.802.330.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	8.253.765.060	8.283.994.346
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	13.081.731.852	3.760.937.249
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.5	40.000.000	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	88.554.923.939	67.469.718.060
1. Hàng tồn kho	141		88.554.923.939	67.469.718.060
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.409.735.471	1.805.436.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	1.409.735.471	1.805.436.077
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.158.568.979	63.662.751.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.265.305.805	27.622.349.732
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	10.663.105.805	14.950.361.508
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	4.3	602.200.000	1.513.629.496
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	-	11.158.358.728
II. Tài sản cố định	220		26.595.888.806	26.555.050.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	26.595.888.806	26.555.050.569
Nguyên giá	222		78.880.947.395	75.221.595.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.285.058.589)	(48.666.545.230)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.864.595.108	8.755.493.307
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.8	7.606.836.884	8.497.735.083
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	257.758.224	257.758.224
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		432.779.260	729.857.848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	432.779.260	729.857.848
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		227.151.931.082	243.844.406.113

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		184.742.823.249	204.125.609.570
I. Nợ ngắn hạn	310		85.391.608.118	132.533.505.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	27.738.142.610	45.716.491.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	942.882.272	89.487.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	5.667.211.642	10.583.977.024
4. Phải trả người lao động	314		4.316.246.950	3.524.092.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	-	48.505.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	5.494.266.833	15.952.283.192
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	41.232.857.811	56.618.668.449
II. Nợ dài hạn	330		99.351.215.131	71.592.103.632
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.11	15.902.309.659	9.003.257.717
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	80.200.116.332	61.008.513.085
3. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	2.249.344.140	729.214.330
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	999.445.000	851.118.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.409.107.833	39.718.796.543
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	42.315.273.609	39.488.115.999
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.518.800.000	38.518.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.518.800.000	38.518.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.796.473.609	969.315.999
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		969.315.999	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.827.157.610	969.315.999
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		93.834.224	230.680.544
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		93.834.224	230.680.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		227.151.931.082	243.844.406.113



Vũ Đức Dũng
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Bùi Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Toàn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	154.374.744.109	183.102.725.711
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	-	1.080.021.819
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		154.374.744.109	182.022.703.892
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	136.314.611.578	168.245.527.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.060.132.531	13.777.176.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	72.328.722	70.712.346
7. Chi phí tài chính	22	5.5	3.764.143.933	3.667.051.467
Trong đó, chi phí lãi vay	23		3.764.143.933	3.667.051.467
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	9.865.957.537	8.619.366.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.502.359.783	1.561.470.629
11. Thu nhập khác	31	5.7	22.027.583	1.447.462.930
12. Chi phí khác	32	5.8	919.152.183	1.280.362.305
13. Lợi nhuận khác	40		(897.124.600)	167.100.625
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.605.235.183	1.728.571.254
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	778.077.573	759.255.255
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.827.157.610	969.315.999
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	734	252
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	734	252



Vũ Đức Dũng

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Bùi Xuân Chiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Toàn

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		159.181.636.740	145.278.472.519
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(154.887.520.981)	(96.396.192.021)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.232.971.631)	(11.761.913.308)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.764.143.933)	(3.667.051.467)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(759.255.255)	(847.587.471)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.854.906.138	30.459.514.956
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.342.319.788)	(54.771.376.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.949.668.710)	8.293.866.673
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.659.351.596)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		72.328.722	70.712.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.587.022.874)	70.712.346
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	64.417.591.862	72.590.010.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(79.655.076.000)	(77.094.432.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.237.484.138)	(4.504.422.046)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(24.774.175.722)	3.860.156.973
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.059.238.378	26.199.081.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		5.285.062.656	30.059.238.378



Vũ Đức Dũng
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Bùi Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Toàn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 532 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn theo Quyết định số 2797/QĐ-BQP ngày 17/07/2017 của Bộ Quốc phòng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401524441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 07/01/2013, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 02/02/2018

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 38.518.800.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Việt Nam	26.392.240.000	68,52	26.392.240.000	68,52
Các cổ đông khác	Việt Nam	12.126.560.000	31,48	12.126.560.000	31,48
Cộng		38.518.800.000	100	38.518.800.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 164 người (31/12/2018: 196 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và Sản xuất.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sản xuất các cấu kiện các loại;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng cầu, đường, đường sắt, đường ngầm, đường băng máy bay, đường cao tốc, đường ống;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống thoát nước thải, trạm bơm và công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy lọc dầu, xây dựng công trình đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cửa sông, đập và đê, xây dựng đường hầm, công trình thể thao ngoài trời và công trình kỹ thuật dân dụng khác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2019
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

3.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.14 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

- Áp dụng mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.713.778.633	240.583.382
Tiền gửi ngân hàng	3.571.284.023	27.082.773.046
Các khoản tương đương tiền	-	2.735.881.950
Cộng	5.285.062.656	30.059.238.378

4.2. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8 (*)	15.406.327.481	5.242.862.235
Phải thu khách hàng khác	48.961.815.644	63.559.468.312
+ BQLDA ĐTXD Các công trình DD & CN Đà Nẵng	6.892.186.315	9.696.003.913
+ BQLDA 46 - Bộ Tổng tham mưu	2.913.239.690	5.120.318.304
+ BQLDA KDC Kè Bắc sông Trà Bồng - Quảng Ngãi	15.281.709.858	15.025.258.000
+ BQLDA san lấp mặt bằng đô thị mới KDL Thủy Tú	-	8.498.871.000
+ BQLDA 05 trụ móng Nhà máy điện gió Bạc Liêu	-	3.861.624.000
+ BQLDA thăm BTN 2 - Đường dẫn cầu Rồng	-	3.658.376.000
+ CN Công ty CPTC và PTDN tại Miền Trung	10.865.634.925	-
+ Các đối tượng khác	13.009.044.856	17.699.017.095
Cộng	64.368.143.125	68.802.330.547
Dài hạn		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8 (*)	-	5.336.333.767
Phải thu khách hàng khác	10.663.105.805	9.614.027.741
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	583.964.200	-
+ BQLDA ĐTXD Công trình giao thông công cộng	159.000.000	-
+ BQLDA Thủy điện 3	936.081.126	-
+ BQLDA 46 - Bộ Tổng tham mưu	-	3.656.124.438
+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh	-	2.516.638.000
+ Các đối tượng khác	8.984.060.479	3.441.265.303
Cộng	10.663.105.805	14.950.361.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Philico Đà Nẵng	3.295.807.196	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuyết Phát	1.613.935.390	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Trình Nhất	-	4.147.400.195
Công ty TNHH Kim Gia Hải	-	1.600.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Thiên Lộc Phát	-	980.000.000
Công ty TNHH TM XD & DV Sài Gòn Xanh	-	115.940.000
Các đối tượng khác	3.344.022.474	1.440.654.151
Cộng	8.253.765.060	8.283.994.346
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Philico Đà Nẵng	-	1.013.629.496
Tổng đội Thanh niên xung phong Trường Sơn	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	102.200.000	-
Cộng	602.200.000	1.513.629.496

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	426.400.165	-	364.335.109	-
Phải thu khác đối với bên liên quan - xem thêm mục 8	9.403.959.517	-	-	-
Phải thu khác	2.461.071.578	-	3.396.602.140	-
+ Các đội	947.985.016	-	1.022.263.066	-
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	467.279.626	-	1.405.179.200	-
+ Các đối tượng khác	1.045.806.936	-	969.159.874	-
Ký cược, ký quỹ	790.300.592	-	-	-
Cộng	13.081.731.852	-	3.760.937.249	-
Dài hạn:				
Phải thu khác đối với bên liên quan - xem thêm mục 8	-	-	8.659.196.360	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	884.713.309	-
Các đối tượng khác	-	-	877.280.005	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	737.169.054	-
Cộng	-	-	11.158.358.728	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho		40.000.000		-
Cộng		40.000.000		-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.211.013.652	-	2.874.637.702	-
Chi phí SX, KD dở dang	71.846.097.608	-	58.849.233.694	-
Thành phẩm	15.497.812.679	-	5.745.846.664	-
Cộng	88.554.923.939	-	67.469.718.060	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	6.698.883.599	51.467.776.045	16.984.378.155	70.558.000	75.221.595.799
Mua trong năm	-	2.732.060.687	927.290.909	-	3.659.351.596
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	6.698.883.599	54.199.836.732	17.911.669.064	70.558.000	78.880.947.395
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	3.614.506.161	33.712.419.938	11.293.364.459	46.254.672	48.666.545.230
Khấu hao trong năm	278.476.898	2.413.253.508	921.785.092	4.997.861	3.618.513.359
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	3.892.983.059	36.125.673.446	12.215.149.551	51.252.533	52.285.058.589
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	3.084.377.438	17.755.356.107	5.691.013.696	24.303.328	26.555.050.569
Tại ngày 31/12/2019	2.805.900.540	18.074.163.286	5.696.519.513	19.305.467	26.595.888.806

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 3.197.001.827 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.513.506.492 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư xây dựng Khu gia đình Lữ đoàn 532	7.606.836.884	-	8.497.735.083	-
Cộng	7.606.836.884	-	8.497.735.083	-

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Sửa chữa doanh trại	257.758.224	257.758.224
Cộng	257.758.224	257.758.224

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa, xây dựng	53.825.608	462.541.467
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.355.909.863	1.342.894.610
Cộng	1.409.735.471	1.805.436.077
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	426.196.686	703.905.866
Lợi thế thương mại	6.582.574	25.951.982
Cộng	432.779.260	729.857.848

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Phúc Đại Phát	5.808.435.701	5.808.435.701	13.358.820.295	13.358.820.295
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc Tế	1.632.095.663	1.632.095.663	3.678.068.263	3.678.068.263
Công ty TNHH Trung Tiến Gia Lai	1.920.892.632	1.920.892.632	4.357.423.116	4.357.423.116
Công ty TNHH MTV Hưng Gia Trịnh	512.579.666	512.579.666	1.927.036.920	1.927.036.920
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Toàn Khánh Khiêm	269.173.351	269.173.351	1.385.058.314	1.385.058.314
Các đối tượng khác	17.594.965.597	17.594.965.597	21.010.084.639	21.010.084.639
Cộng	27.738.142.610	27.738.142.610	45.716.491.547	45.716.491.547
Dài hạn				
Công ty TNHH Phú Đại Phát	1.099.354.930	1.099.354.930	3.545.206.691	3.545.206.691
Công ty TNHH Trung Tiến Gia Lai	2.079.281.783	2.079.281.783	2.082.490.352	2.082.490.352
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhật Tín	1.618.284.430	1.618.284.430	1.718.284.430	1.718.284.430
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Phúc Đại Phát	4.370.000.000	4.370.000.000	-	-
Các đối tượng khác	6.735.388.516	6.735.388.516	1.657.276.244	1.657.276.244
Cộng	15.902.309.659	15.902.309.659	9.003.257.717	9.003.257.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Trả tiền trước hoạt động bán đá	942.882.272	89.487.800
Cộng	942.882.272	89.487.800
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là bên liên quan - xem thêm mục 8	70.931.392.332	52.711.846.085
Người mua trả tiền trước dài hạn khác	9.268.724.000	8.296.667.000
+ CN Công ty CPTC và PTDN tại Miền Trung	7.208.865.000	-
+ BQL Dự án 46 - Bộ Tổng tham mưu	-	1.600.000.000
+ Sở NN&PPTNT Trà Vinh (giai đoạn 2)	-	5.696.667.000
+ BQL Dự án Đê kè biển Kim Liên-Liên Chiểu (GĐ2)	-	1.000.000.000
+ Các đối tượng khác	2.059.859.000	-
Cộng	80.200.116.332	61.008.513.085

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2019 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT	9.649.006.309	15.437.473.731	20.342.367.356	4.744.112.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	759.255.255	778.077.573	759.255.255	778.077.573
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.598.497	1.465.163	133.334
Thuế tài nguyên	112.788.460	532.729.789	557.247.198	88.271.051
Phí bảo vệ môi trường	62.927.000	265.814.710	272.124.710	56.617.000
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	65.621.000	65.621.000	-
Cộng	10.583.977.024	17.084.315.300	22.001.080.682	5.667.211.642

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí Dự án thăm BTN đường Trường Sơn Đông	-	48.505.000
Cộng	-	48.505.000

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả ngắn hạn khác đối với bên liên quan - xem thêm mục 8	1.333.216.565	585.055.290
BHXH, BHYT, BHTN	12.592.169	-
Kinh phí công đoàn	359.257.811	311.417.750
Phải trả về cổ phần hóa	2.172.853.339	10.720.336.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.616.346.949	4.335.474.152
+ Phải trả các đội trực thuộc	591.467.595	1.446.763.188
+ Phải trả các đối tượng khác	1.024.879.354	2.888.710.964
Cộng	5.494.266.833	15.952.283.192
Dài hạn:		
Kinh phí Kho nhiên liệu sẵn sàng chiến đấu	-	729.214.330
Phải trả dài hạn khác đối với bên liên quan - xem thêm mục 8	2.249.344.140	-
Cộng	2.249.344.140	729.214.330

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND						
Vay ngắn hạn						
Vay bên liên quan - xem thêm mục 8 (1)	717.343.002	717.343.002	685.400.553	-	31.942.449	31.942.449
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng (2)	23.786.448.309	23.786.448.309	35.123.048.309	50.034.745.000	38.698.145.000	38.698.145.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (3)	14.920.143.000	14.920.143.000	24.854.143.000	18.313.809.000	8.379.809.000	8.379.809.000
Ông Hoàng Văn Thắng	-	-	-	3.970.000.000	3.970.000.000	3.970.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	-	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Ông Nguyễn Văn Toàn	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-	-
Bà Trần Thị Như Thanh	300.000.000	300.000.000	900.000.000	600.000.000	-	-
Bà Trần Thị Như Hải	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	760.423.500	760.423.500	760.423.500	2.196.272.000	2.196.272.000	2.196.272.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	248.500.000	248.500.000	-	494.000.000	742.500.000	742.500.000
Cộng	41.232.857.811	41.232.857.811	63.873.015.362	79.258.826.000	56.618.668.449	56.618.668.449
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	999.445.000	999.445.000	1.305.000.000	1.156.673.500	851.118.500	851.118.500
Cộng	999.445.000	999.445.000	1.305.000.000	1.156.673.500	851.118.500	851.118.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung các khoản Vay và nợ thuê tài chính:

- (1) Vay Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, đây là hợp đồng hỗ trợ vốn của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn với Công ty Cổ phần Trường Sơn 532. Cụ thể như sau:
 - Mục đích vay: Hỗ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất: không lãi suất;
 - Phương thức đảm bảo: tín chấp.
- (2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 49940.19.301.50041.TD ngày 04/12/2019:
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Hạn mức tín dụng: 195 tỷ đồng;
 - Thời hạn vay: 12 tháng;
 - Lãi suất: lãi suất thả nổi điều chỉnh theo từng lần nhận nợ;
 - Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng khối lượng hình thành trong tương lai bằng giá trị khối lượng dở dang và hồ sơ thanh toán các khoản phải thu.
- (3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/242739/HĐTD ngày 08/09/2019:
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
 - Thời hạn vay: 12 tháng;
 - Lãi suất: lãi suất thả nổi điều chỉnh theo từng lần nhận nợ;
 - Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng khối lượng hình thành trong tương lai bằng giá trị khối lượng dở dang và hồ sơ thanh toán các khoản phải thu.
- (4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 32855.16.50041.TD ngày 20/05/2016 và Hợp đồng tín dụng số 23611.17.301.50041.TD ngày 13/10/2017:
 - Mục đích vay: Mua dây chuyền máy nghiền đá sàng và máy móc linh kiện trong thi công cấp điện công trình;
 - Hạn mức tín dụng: 188 tỷ đồng;
 - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất: lãi suất thả nổi có điều chỉnh.
 - Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng tài sản cố định bao gồm:
 - Dây chuyền máy nghiền sàng đá công suất 35 tấn/giờ hiệu 186-187 của Liên Xô đã qua sử dụng và các phụ kiện đi kèm;
 - Dây chuyền máy nghiền sàng đá công suất 100 tấn/giờ
 - Máy móc thiết bị, linh kiện trong thi công cấp điện công trình (máy biến áp 3 pha 35/0,4kV và tụ bù 300kVAR/0,4kV)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	38.518.800.000	2.167.452.381	-	40.686.252.381
Lãi trong năm trước	-	-	969.315.999	969.315.999
Giảm trong năm trước	-	(2.167.452.381)	-	(2.167.452.381)
Tại ngày 01/01/2019	38.518.800.000	-	969.315.999	39.488.115.999
Lãi trong năm nay	-	-	2.827.157.610	2.827.157.610
Tại ngày 31/12/2019	38.518.800.000	-	3.796.473.609	42.315.273.609

4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	26.392.240.000	26.392.240.000
Các cổ đông khác	12.126.560.000	12.126.560.000
Cộng	38.518.800.000	38.518.800.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Vốn góp đầu năm	38.518.800.000	38.518.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	38.518.800.000	38.518.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.4.Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.851.880	3.851.880
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.851.880	3.851.880
- Cổ phiếu phổ thông	3.851.880	3.851.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.851.880	3.851.880
- Cổ phiếu phổ thông	3.851.880	3.851.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.17.5.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.827.157.610	969.315.999
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.851.880	3.851.880
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	734	252

4.17.6.Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.827.157.610	969.315.999
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.851.880	3.851.880
Số lượng CP phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	734	252

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	148.837.371.854	163.999.333.462
Doanh thu hoạt động bất động sản	-	12.336.363.636
Doanh thu bán đá thành phẩm và Doanh thu khác	5.537.372.255	6.767.028.613
Cộng	154.374.744.109	183.102.725.711
Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan - Xem thêm mục 8	12.773.285.554	14.285.320.000

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Quyết toán giảm doanh thu xây lắp	-	1.080.021.819
Cộng	-	1.080.021.819

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	131.389.097.975	151.241.692.416
Giá vốn hoạt động BĐS	-	11.341.416.956
Giá vốn đá thành phẩm và hoạt động khác	4.925.513.603	5.662.418.348
Cộng	136.314.611.578	168.245.527.720

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.328.722	70.712.346
Cộng	72.328.722	70.712.346

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Chi phí lãi vay	3.764.143.933	3.667.051.467
Cộng	3.764.143.933	3.667.051.467

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Chi phí nhân viên	4.583.252.447	3.312.917.962
Chi phí đồ dùng văn phòng	174.923.684	528.769.007
Chi phí khấu hao TSCĐ	314.047.751	858.049.568
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	1.068.212.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.323.867.342	126.748.960
Chi phí bằng tiền khác	1.466.866.313	2.724.668.653
Cộng	9.865.957.537	8.619.366.422

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Thu nhập từ xử lý công nợ	22.027.583	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	128.096.915
Tiền bồi thường	-	1.319.366.015
Cộng	22.027.583	1.447.462.930

5.8. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Phạt vi phạm hành chính	119.125.111	-
Chi phí sửa chữa duy tu công trình	777.296.604	1.199.481.171
Xử lý công nợ	22.730.468	-
Chi phí khác	-	80.881.134
Cộng	919.152.183	1.280.362.305

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.977.160.009	36.329.782.865
Chi phí nhân công	21.803.206.229	17.295.900.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.618.513.359	4.287.649.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.446.908.371	72.588.155.968
Chi phí khác bằng tiền	25.083.611.076	45.441.768.251
Cộng	168.929.399.044	175.943.257.582

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.605.235.183	1.728.571.254
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	119.125.111	60.027.671
- Chi phí phạt hành chính	119.125.111	60.027.671
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.724.360.294	1.788.598.925
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	778.077.573	759.255.255
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	744.872.059	357.719.785
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	33.205.514	401.535.470

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	64.417.591.862	72.590.010.000
Cộng	64.417.591.862	72.590.010.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	79.655.076.000	77.094.432.046
Cộng	79.655.076.000	77.094.432.046

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây lắp và sản xuất, khai thác đá thành phẩm. Tuy nhiên, doanh thu chính của Công ty đến từ hoạt động xây lắp. Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn
Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Công ty mẹ
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng - Xem thêm mục 4.2	15.406.327.481	5.242.862.235
Phải thu dài hạn của khách hàng - Xem thêm mục 4.2	-	5.336.333.767
Người mua trả tiền trước dài hạn - Xem thêm mục 4.3	70.931.392.332	52.711.846.085
Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.4	9.403.959.517	-
Phải thu dài hạn khác - Xem thêm mục 4.4	-	8.659.196.360
Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.15	1.333.216.565	585.055.290
Phải trả dài hạn khác - Xem thêm mục 4.15	2.249.344.140	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn - Xem thêm mục 4.16	717.343.002	31.942.449

Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nổi dài, Phường Hòa Khánh Bắc,
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

- Đối với Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn: chủ yếu là Doanh thu hoạt động xây lắp

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.773.285.554	14.285.320.000
Cộng - Xem thêm mục 5.1	12.773.285.554	14.285.320.000

- Đối với các thành viên quản lý chủ chốt, chủ yếu là chi phí lương, thù lao được hưởng trong năm và được chi tiết như sau:

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	163.200.000	187.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	625.572.200	609.032.808
Cộng	788.772.200	796.032.808

9. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Từ ngày 02/02/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Thù lao Ban kiểm soát	48.000.000	44.000.000
Cộng	48.000.000	44.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Vũ Đức Dũng
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Bùi Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Toàn
Người lập